

Bản án số: 306/2020/HS-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Bồi

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 435/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2020/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N (*Tư Sói*), sinh năm 1993, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Xóm 2, Xuân Trung, DX, DK, Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U (*Đã chết*) và bà Trần Thị Mỹ H. Tiền sự: không;

Tiền án: Bản án số 132/2014/HSPT ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 11 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bản án số 81/2014/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện DK xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội: “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt của Bản án 132/2014, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 08 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30 tháng 8 năm 2017.

Nhân thân: Ngày 14 tháng 9 năm 2009 bị Công an thành phố Z xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự bằng hình thức cảnh cáo; Bản án số 78/2011/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 04 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2013 (*Đã chấp hành hình phạt án phi*); Bản án số 263/2020/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1999, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 22 Hòn Chồng, phường VP thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, Tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 263/2020/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt.

* *Bị hại:* Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đoàn Kết 1, phường HS, quận ĐS, thành phố HP.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 và bà Lê Thị Lan, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn Xuân Phong, xã NT, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Mộng D, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 187 Phương Sài, phường PS, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

(Tất cả bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019, Nguyễn Văn N điều khiển xe máy hiệu Exciter màu đỏ đen, biển kiểm soát 79X1- 01129 chở Nguyễn Văn M đi cướp giật tài sản. Cả hai lưu thông trên đường Trần Quý C, thành phố Z theo hướng từ Trần Quý C đến Mã Vồng. Khi đến trước nhà số 28 đường Trần Quý C, phường VT, thành phố Z thì phát hiện anh Trịnh Quang T đang điều khiển xe máy hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 36H8 - 0315 đi cùng chiều. Lúc này, anh T đang nghe điện thoại Iphone X64Gb màu đen; Thấy vậy, N điều khiển xe áp sát vào xe anh T để M ngồi sau dùng tay giật lấy điện thoại của anh T rồi Nhật điều khiển xe tăng ga bỏ chạy. Anh T đuổi theo và truy hô, đến ngã tư giao nhau giữa đường Trần Quý C với đường Tô Vĩnh D, phường PS, thành phố Z anh T đuổi kịp ép xe N té ngã, bắt giữ được N, còn M chạy thoát.

Sau khi té ngã, N được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa điều trị vì đa chấn thương. Qua làm việc với cơ quan Công an, N đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản nêu trên. Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z ra Quyết định trả tự do cho Nguyễn Văn N để tiếp tục điều trị. Sau khi xuất viện, N không đến trình diện cơ quan Công an mà tiếp tục cùng với M thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố Z. Ngày 17 tháng 4 năm 2020, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn M bị tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản. Qua đấu tranh, N và M đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 505/HĐĐG ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Z xác định điện thoại di động Iphone X – 64Gb trị giá 17.600.000đồng. *(Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng)*

Cáo trạng số 331/CT-VKSNT ngày 23 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z truy tố Nguyễn Văn N về tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn M về tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 04 năm đến 05 năm tù; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M. Xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn M từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu; Vật chứng vụ án; án phí và quyền kháng cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] *Về nội dung:* Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu biên bản sự việc; lời khai của bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trước nhà số 28 đường Trần Quý C , phường VT , thành phố Z; Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn M đã có hành vi cướp giật một điện thoại di động hiệu Iphone X – 64Gb của ông Trịnh Quang T trị giá 17.600.000đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 331/CT-VKSNT ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[4] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Các bị cáo đã sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, làm nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn M .

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N .

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M : Tại phiên tòa bị cáo khai nhận bị cáo đã sử dụng bình xịt hơi cay mang theo xịt vào mặt bị hại nhằm mục đích để tẩu thoát. Bị cáo và N chỉ thống nhất tìm ai sơ hở thì cướp giật tài sản, không bàn bạc cách thức cũng

nếu bị cáo N không biết bị cáo có cầm theo bình xịt hơi cay. Lời khai của bị cáo M tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn N, người bị hại và người làm chứng đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử; Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Hành hung để tẩu thoát*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M là không vượt quá giới hạn của việc xét xử.

[5] *Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:* Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo sợ của người dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm gián đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Văn N là người khởi xướng và điều khiển xe máy tạo điều kiện cho bị cáo Nguyễn Văn M ngồi sau, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét vai trò tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn cho các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn N giữ vai trò chủ yếu, có nhân thân xấu đã từng có thời gian cải tạo rèn luyện nhưng không tu dưỡng đạo đức mà tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Nguyễn Văn M mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] *Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án:*

Bản án số 263/2020/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt Nguyễn Văn N 04 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”; Xử phạt Nguyễn Văn M 02 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”; nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án và buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[7] Đối với chiếc xe máy hiệu Exciter màu đỏ đen, số khung RLCUG0610GY290293, số máy G3D4E304599 đã chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã NH thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[9] *Về vật chứng:* Cơ quan điều tra thu giữ: 01(Một) biển kiểm soát 79X1 - 01129; 01(Một) xe máy hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 36H8-0315, số máy HN755785, số khung 4Y755785 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nên giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z xử lý theo quy định. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N , Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N .

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N (Tư S) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 263/2020/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 17 tháng 4 năm 2020.

- Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn M 04 (Bốn) năm** tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 263/2020/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là **06 (Sáu) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 17 tháng 4 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z xử lý theo quy định: 01 (Một) biển kiểm soát 79X1-01129; 01 (Một) xe máy hiệu Attila màu trắng biển kiểm soát 36H8-0315, số máy HN755785, số khung 4Y755785. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn N , Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;

LÊ THỊ HẠNG